

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH TRỊ
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 11/2022/HNGĐ-ST.
Ngày 01-6-2022.
V/v “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Bích Phượng.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Công Lý.

- Bà Quách Hải Yến.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Huỳnh Ni – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Nguyệt Hân – Kiểm sát viên.

Trong ngày 01 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 34/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 03 năm 2022, về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2022/QĐXX-DS ngày 04 tháng 05 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Bé N, sinh ngày 08/3/1990 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã V, huyện TH, tỉnh Sóc Trăng.

Chỗ ở hiện nay: Số X, đường C, khóm A, phường B, thành phố L, tỉnh Bạc Liêu.

- Bị đơn: Ông Lâm Chí K, sinh ngày 10/7/1990 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã V, huyện TH, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/01/2022 cũng như tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Bé N và ông Lâm Chí K cưới nhau năm 2013 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V vào ngày 07/03/2013. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, tính cách hai bên không hoà hợp, đồng thời cũng có mâu thuẫn về tiền bạc, vợ chồng không chia sẻ tình cảm với nhau, bà và ông K không còn chung sống từ tháng 5/2021 cho đến nay. Bà yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có một người con chung tên Lâm Ánh Q, sinh ngày 04/10/2017, con đang do bà N nuôi dưỡng. Bà N yêu cầu được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung không có, nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Lâm Chí K không có văn bản cung cấp lời khai.

Đại diện Kiểm sát viên tham gia phiên tòa trình bày: Từ khi thụ lý đến kết thúc phần tranh luận tại phiên tòa thẩm phán – chủ tọa phiên tòa, các thành viên Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án đề nghị chấp nhận cho nguyên đơn được ly hôn, giao con cho nguyên đơn nuôi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Trong quá trình tiến hành tố tụng Tòa án tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo mở phiên họp công khai tài liệu chứng cứ và hoà giải, triệu tập tham gia phiên tòa đối với bị đơn ông Lâm Chí K lần thứ hai nhưng ông K đều vắng mặt, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Bé N và ông Lâm Chí K tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa bà N yêu cầu được ly hôn, lý do vợ chồng không hoà hợp tính cách, không còn tình cảm và không thể tiếp tục chung sống được với nhau. Về phía ông K, từ khi bà N yêu cầu ly hôn cho đến nay ông K không có văn bản phản hồi ý kiến. Hội đồng xét xử xét thấy kết quả xác minh cho thấy trong quá trình chung sống bà N và ông K thực tế có phát sinh mâu thuẫn và không còn chung sống với nhau, bà N và ông K cũng đã được gia đình cha mẹ hai bên động viên hàn gắn nhưng không được. Từ những sự việc trên cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng đến nay vẫn không giải quyết được, nếu tiếp tục kéo dài cũng không mang lại hạnh phúc, vì vậy Hội đồng xét xử cần chấp nhận cho bà N được ly hôn là phù hợp theo quy định pháp luật.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống bà N và ông K có một người con chung tên Lâm Ánh Q, sinh ngày 04/10/2017, hiện con đang sống

chung với bà N, bà N yêu cầu được quyền nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy cháu Q còn nhỏ, đã sống ổn định với bà N nên giao cháu Q cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng, bà N không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không buộc ông K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn trình bày không có nợ chung, tài sản sản chung, bị đơn không có văn bản tranh chấp, yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Bà Trần Bé N là người khởi kiện nên phải chịu án phí hôn nhân là 300.000 đồng theo quy định tại điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

[6] Như vậy ý kiến đề nghị giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên toà là đúng quy định pháp luật, Hội đồng xét xử thống nhất đề nghị của Kiểm sát viên.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Trần Bé N được ly hôn với ông Lâm Chí K.

Về con chung: Giao cháu Lâm Ánh Q, sinh ngày 04/10/2017 cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng.

Ông Lâm Chí K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở ông thực hiện quyền này.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn bà Trần Bé N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà đã nộp theo biên lai thu số 0001265 ngày 10/03/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Trị, bà N đã nộp xong án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đối với đương sự vắng mặt kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án tại Ủy Ban nhân dân nơi đương sự cư trú) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Trị;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trịnh Thị Bích Phượng